

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/DS-ST**

Ngày: 25-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lào, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 398/2024/TLST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT. *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị L, nhân viên Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Số A, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (theo văn bản ủy quyền số 886/2024/UQ-SVN ngày 15/12/2024).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Nguyễn Thị L xin vắng mặt; bà Trần Thị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024 và lời khai của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 14/9/2020, bà Trần Thị N có cầm 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 94K1-464.39 do bà N đứng tên cho Công ty Cổ phần S Có Ngay, với số tiền 14.400.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hợp đồng được thanh toán 12 kỳ từ tháng 10/2020 đến tháng 09/2021, mỗi kỳ sẽ thanh toán gốc và lãi tổng số tiền 1.633.861 đồng và thanh toán vào ngày 14 hàng tháng. Cùng ngày 14/9/2020, bà N phải nộp phí bảo hiểm 720.000 đồng và phí

giao dịch đảm bảo 150.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên số tiền cầm cố 14.400.000 đồng trừ 720.000 đồng và 150.000 đồng, còn lại 13.530.000 đồng; ngày 15/9/2020 Công ty đã chuyển khoản cho bà N số tiền 13.530.000 đồng qua tài khoản của bà N tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 Chi nhánh B.

Sau khi nhận tiền, bà N đóng được 3 kỳ với số tiền 5.007.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.839.197 đồng và ngưng không đóng. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được thỏa thuận theo hợp đồng nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền gốc còn lại là 11.560.803 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/3/2025 với lãi suất 1.1%/tháng là 6.502.566 đồng, tổng cộng tiền gốc, lãi là 18.063.369 đồng; yêu cầu bà N phải trả lãi theo hợp đồng cầm cố từ ngày 29/3/2025 đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với giao dịch mượn xe giữa Công ty với bà N, do “Giấy mượn xe” không thể hiện nội dung thỏa thuận phí mượn xe và hao mòn xe nên Công ty không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà N, buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền gốc 11.560.803 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/3/2025 với lãi suất 1.1%/tháng là 6.502.566 đồng, tổng cộng tiền gốc, lãi là 18.063.369 đồng; và tiền lãi từ ngày 29/3/2025 đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Về án phí: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N thanh toán số tiền cầm cố tài sản còn nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố thể hiện địa chỉ của bà Trần Thị N tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tại biên bản xác minh của Công an xã L, huyện V, thể hiện bà N có đăng ký thường trú tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Từ đó cho thấy, Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện bà N có địa chỉ ấp P, xã L, huyện

V, tỉnh Bạc Liêu, là đầy đủ và đúng địa chỉ của bà N nhưng bà N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho Công ty là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Công ty. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và bà N.

[3] Về nội dung: Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền gốc là 11.560.803 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 6.502.566 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Theo Hợp đồng cầm cố giữa Công ty với bà N, thể hiện phương thức nhận tiền là chuyển khoản, số tài khoản của bà N là 1013338141 được mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (V) - Chi nhánh B. Căn cứ vào Công văn số 77/BL1.KT ngày 17/01/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 Chi nhánh B, thể hiện bà Trần Thị N, sinh ngày 16/4/1995; địa chỉ ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có mở tài khoản tại Ngân hàng số tài khoản 1013338141. Tại Phiếu thu và Phiếu chi cùng ngày 14/9/2020 do Công ty cung cấp, thể hiện số tiền cầm cố 14.400.000 đồng sau khi trừ phí bảo hiểm 720.000 đồng và phí đảm bảo tài sản 150.000 đồng thì số tiền bà N nhận là 13.530.000 đồng, số tiền này phù hợp với số tiền phát sinh trong tài khoản của bà N vào ngày 15/9/2020 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 Chi nhánh B theo Sao kê tài sản của bà N do Ngân hàng cung cấp. Từ đó, có căn cứ xác định giữa Công ty với bà N có phát sinh giao dịch cầm cố tài sản và bà N có nhận tiền cầm cố xe 14.400.000 đồng theo quy định khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét thấy, bà N đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố với Công ty nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty thừa nhận bà N đã thanh toán tiền gốc 2.839.197 đồng, còn nợ tiền gốc 11.560.803 đồng nên có cơ sở xác định bà N còn nợ Công ty số tiền gốc 11.560.803 đồng. Căn cứ các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán số gốc 11.560.803 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 6.502.566 đồng, tổng cộng 18.063.369 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí 5% trên tổng số tiền 18.063.369 đồng, bằng số tiền 903.168 đồng. Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải nộp án phí sơ thẩm. Công ty không phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch, Công ty đã dự nộp tạm ứng án phí 438.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004531 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Từ đó, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357, 463, 468 và 494 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Trần Thị N, về yêu cầu bà Trần Thị N thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 3 năm 2025 là 18.063.369 đồng đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng), trong đó tiền gốc 11.560.803 đồng (mười một triệu năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng), tiền lãi 6.502.566 đồng (sáu triệu năm trăm lẻ hai nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Buộc bà Trần Thị N thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 3 năm 2025 là 18.063.369 đồng đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng), trong đó tiền gốc 11.560.803 đồng (mười một triệu năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng), tiền lãi 6.502.566 đồng (sáu triệu năm trăm lẻ hai nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2025, bà Trần Thị N còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số BAM200901013NA16X ngày 14 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị N phải nộp 903.168 đồng (chín trăm lẻ ba nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã dự nộp tạm ứng án phí 438.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004531 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Trang Thảo